

**CHƯƠNG TRÌNH  
KHUYẾN NÔNG TỈNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 2367/QĐ-UBND ngày 06/11/2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

**I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Mục tiêu chung**

- Tập trung thực hiện các hoạt động khuyến nông theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng; bảo vệ môi trường, sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tạo thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn, người làm nông nghiệp.

- Nâng cao vai trò, năng lực của hệ thống khuyến nông và hoạt động khuyến nông, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; huy động các nguồn lực đầu tư và sự tham gia của các doanh nghiệp vào hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị.

- Công tác khuyến nông phải gắn liền với quá trình chuyển đổi từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chuyển đổi số, các quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, sản xuất đa giá trị... Đồng thời tạo sinh kế cho người dân, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai, đảm bảo an ninh lương thực, ổn định kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất**

(1) Lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật: Xây dựng 10 mô hình trồng trọt – bảo vệ thực vật là các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất các loại cây trồng chủ lực, thế mạnh địa phương thông qua tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, đánh giá chứng nhận sản xuất nông nghiệp theo Tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ,... quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), xúc tiến, quảng bá, kết nối bao tiêu sản phẩm nâng cao giá trị hiệu quả kinh tế.

(2) Lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y: Xây dựng 09 mô hình chăn nuôi cho các đối tượng là vật nuôi chủ lực, thế mạnh địa phương. Chuyển giao công nghệ chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm, xử lý chất thải

trong chăn nuôi, chủ động ngăn ngừa phòng, chống dịch bệnh ở vật nuôi.

**(3) Lĩnh vực Thủy sản:** Xây dựng 05 mô hình nuôi cá lồng nhằm chuyển đổi phương thức sản xuất, khai thác tối đa diện tích mặt nước sẵn có, nâng cao hiệu quả nuôi trồng thủy sản, tập huấn chuyển giao quy trình nuôi cá lồng cho người dân.

**(4) Lĩnh vực Lâm nghiệp:** Xây dựng 10 mô hình lâm nghiệp, trong đó 05 mô hình phát triển cây lâm nghiệp chủ lực phục vụ chế biến và xuất khẩu, áp dụng biện pháp kỹ thuật trong canh tác để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và 05 mô hình mô hình phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tạo sinh kế cho người dân, gắn với bảo tồn thiên nhiên hướng tới phát triển nông nghiệp sinh thái - tuần hoàn - bền vững.

## **2.2. Công tác đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền**

**(1) Tập huấn, đào tạo, huấn luyện:** Tổ chức 30 lớp (6 lớp/năm) tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong hệ thống khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị; Nâng cao nhận thức, nắm vững kỹ thuật phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu, thực hiện có hiệu quả chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

**(2) Diễn đàn, tọa đàm, hội thảo:** Tổ chức 05 cuộc (01 cuộc/năm) diễn đàn, tọa đàm, hội thảo giúp cho nông dân tổ chức sản xuất hàng hoá theo đúng định hướng của địa phương; đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm theo hướng nông nghiệp xanh, phát triển bền vững, phục vụ nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu.

**(3) Khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước:** Tổ chức 05 cuộc (01 cuộc/năm) khảo sát học tập kinh nghiệm mô hình ứng dụng công nghệ gắn với chuỗi cung ứng tiêu thụ sản phẩm, mô hình kinh tế tuần hoàn, mô hình sản xuất hữu cơ, tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp.

**(4) Ấn phẩm khuyến nông:** Biên tập, soạn thảo, in ấn, các ấn phẩm khuyến nông như: quy trình kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; hướng dẫn kỹ thuật phòng chống sâu hại trên cây trồng, dịch bệnh trên đàn vật nuôi; các biện pháp, kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khôi phục sản xuất sau bão, lũ, ngập úng đối với cây trồng vật nuôi, thủy sản... Tổ chức 05 lần in (01 lần/ năm).

**(5) Chuyên mục Khuyến nông trên sóng truyền hình Lạng Sơn (LSTV):** 60 Chuyên mục (12 Chuyên mục/năm) giúp nông dân và người sản xuất nắm bắt quan điểm, các chủ trương của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; sản xuất gắn với bảo vệ môi trường bền vững; tiếp nhận thông tin khoa học công nghệ mới để áp dụng hiệu quả trong sản xuất. Thông tin kịp thời các mô hình sản xuất điển hình, cách làm làm có hiệu quả để người dân học tập làm theo.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

## **1. Chương trình khuyến nông lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật**

Xây dựng 10 mô hình khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, điều kiện tự nhiên của từng địa bàn để xây dựng các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực, thế mạnh, tạo vùng nguyên liệu, hàng hóa quy mô lớn, làm cơ sở phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, nâng tầm thương hiệu sản phẩm, trong đó trọng tâm một số vùng, sản phẩm gồm: xây dựng vùng sản xuất Rau, Lúa đặc sản, Khoai tây, Khoai lang, Thạch đen, Chè... phát triển, nâng cao chất lượng vùng trồng một số loài cây ăn quả tập trung như: vùng sản xuất Na, Quýt, Hồng vành khuyên, Hồng Bảo Lâm, Lê, Đào, cây có múi khác ...; phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng một số cây trồng có tiềm năng như: Táo đại, Chanh leo, Nấm,... với quy mô hợp lý ở những địa bàn có lợi thế. Các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất các loại cây trồng chủ lực, thế mạnh địa phương thông qua tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, đánh giá chứng nhận sản xuất nông nghiệp theo Tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, mã số vùng trồng... quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), xúc tiến, quảng bá, kết nối bao tiêu sản phẩm nâng cao giá trị hiệu quả kinh tế. Cụ thể triển khai các mô hình:

- Mô hình sản xuất thâm canh cây trồng nông nghiệp theo chứng nhận VietGAP, hữu cơ,...theo hướng phát triển sản xuất bền vững phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

- Mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây trồng chủ lực.

Dự kiến kinh phí thực hiện chương trình khuyến nông lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật: 4.793,28 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 4.015,02 triệu đồng; Dân đối ứng: 778,26 triệu đồng.

## **2. Chương trình khuyến nông lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y**

Xây dựng 09 mô hình chăn nuôi cho các đối tượng là vật nuôi chủ lực, thế mạnh địa phương. Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới; quy trình quản lý tiên tiến; mô hình chăn nuôi theo hướng kiểm soát dịch bệnh; chuyển giao công nghệ chăn nuôi theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm, xử lý chất thải trong chăn nuôi, chủ động ngăn ngừa phòng, chống dịch bệnh ở vật nuôi; mô hình liên kết trong chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm chăn nuôi, đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm phát thải khí nhà kính và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Nâng cao nhận thức của người chăn nuôi trong việc thực hiện vệ sinh thú y và phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững. Góp phần duy trì, phát triển đàn lợn bình quân khoảng 450.000 con/năm; chăn nuôi trâu, bò trên 150.000 con/năm; chăn nuôi gia cầm trên 05 triệu con/năm; chăn nuôi dê trên 60.000 con/năm; ngựa bạch trên 1.500 con/năm. Đồng thời quan tâm phát triển một số loài vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế như Gà sáu ngón, Lợn hương, Vịt cổ xanh, Ong,... Cụ thể triển khai các mô hình:

- Mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm thương phẩm an toàn sinh học,

gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.
- Mô hình phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng.

Dự kiến kinh phí thực hiện chương trình khuyến nông lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y là: 6.900,30 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 5.026,02 triệu đồng; Dân đối ứng: 1.874,28 triệu đồng.

### **3. Chương trình khuyến nông lĩnh vực Thủy sản**

Xây dựng 05 mô hình phát triển nuôi cá lồng an toàn sinh học ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng, khai thác nhằm tăng năng suất, sản lượng, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh về diện tích mặt nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân, giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi lồng, nuôi ao thâm canh một số đối tượng thủy sản truyền thống, đặc sản theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm, VietGAP, liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu bảo vệ môi trường sinh thái. Góp phần cải thiện đời sống, tạo thêm việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội.

Dự kiến kinh phí thực hiện chương trình khuyến nông lĩnh vực Thủy sản: 3.861,87 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 2.827,28 triệu đồng; Dân đối ứng: 1.304,59 triệu đồng.

### **4. Chương trình khuyến nông lĩnh vực Lâm nghiệp**

Xây dựng 10 mô hình lâm nghiệp, trong đó 05 mô hình phát triển cây lâm nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu, áp dụng biện pháp kỹ thuật trong canh tác để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và 05 mô hình mô hình phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tạo vùng nguyên liệu sản xuất áp dụng biện pháp kỹ thuật trong canh tác để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm. Góp phần quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng, khai thác tối đa nguồn lực, lợi thế đất đai, đồi rừng để phát triển lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng tâm; tập trung phát triển, duy trì ổn định các vùng sản xuất tập trung như: vùng Hời; vùng Thông; vùng Keo, Bạch đàn; phát triển mở rộng vùng Quế, vùng Sờ, Trám... Nâng cao thu nhập của người dân, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai, giữ vững quốc phòng và an ninh; phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, các dịch vụ môi trường rừng.

- Mô hình phát triển cây lâm nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu.
- Mô hình phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tạo vùng nguyên liệu sản xuất.

Dự kiến kinh phí thực hiện chương trình khuyến nông lĩnh vực Lâm

nghiệp: 4.308,15 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 3.169,65 triệu đồng; Dân đối ứng: 1.138,50 triệu đồng.

### **5. Chương trình tập huấn, đào tạo huấn luyện, thông tin tuyên truyền**

Triển khai thực hiện các chương trình tập huấn, đào tạo huấn luyện nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong hệ thống khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị; Nâng cao nhận thức, nắm vững kỹ thuật phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu, thực hiện có hiệu quả chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Triển khai chương trình thông tin tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp cho bà con nông dân, chủ trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, cán bộ nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng nắm bắt quan điểm, các chủ trương của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; nắm bắt được thông tin khoa học công nghệ, các giải pháp phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị; sản xuất gắn với bảo vệ môi trường bền vững; tiếp nhận thông tin khoa học công nghệ mới để áp dụng hiệu quả trong sản xuất.

Thực hiện các chương trình tọa đàm, khảo sát học tập kinh nghiệm mô hình ứng dụng công nghệ gắn với chuỗi cung ứng tiêu thụ sản phẩm, mô hình kinh tế tuần hoàn, mô hình sản xuất hữu cơ, tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp; Thăm quan, học tập kinh nghiệm các chuỗi giá trị, cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói.... Cụ thể chương trình tập huấn, đào tạo huấn luyện, thông tin tuyên truyền thực hiện một số nội dung sau:

- Tập huấn, đào tạo, huấn luyện.
- Diễn đàn, tọa đàm, hội thảo.
- Khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước.
- Sản xuất ấn phẩm khuyến nông.
- Chuyên mục Khuyến nông trên sóng truyền hình Lạng Sơn (LSTV).

Dự kiến kinh phí chương trình tập huấn, đào tạo huấn luyện, thông tin tuyên truyền là 2.259,80 triệu đồng.

*(Chi tiết các nội dung tại Phụ lục I kèm theo)*

## **III. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Tổng kinh phí Chương trình: 22.123,39 triệu đồng, trong đó:**

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: **17.297,76 triệu đồng.**
- Dân đối ứng: **4.825,63 triệu đồng.**

Năm	Kinh Phí			Ghi chú
	Tổng số	NSNN Hỗ trợ	Dân đối ứng	
Năm 2026	3.682,35	2.920,17	762,17	
Năm 2027	4.460,17	3.488,96	971,21	
Năm 2028	4.460,17	3.488,96	971,21	
Năm 2029	4.760,35	3.699,83	1.060,52	
Năm 2030	4.760,35	3.699,83	1.060,52	
<b>Tổng giai đoạn 2026-2030</b>	<b>22.123,39</b>	<b>17.297,76</b>	<b>4.825,63</b>	

**2. Nguồn Kinh phí thực hiện Chương trình:** Ngân sách địa phương hàng năm, nguồn vốn các chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình, nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định và vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông

*(Chi tiết các nội dung tại Phụ lục II kèm theo)*

#### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Hoàn thiện cơ chế chính sách và quản lý của hệ thống khuyến nông**

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách và hướng dẫn thực hiện một số nhiệm vụ, thẩm quyền của hệ thống khuyến nông theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Lồng ghép các hoạt động khuyến nông với việc triển khai các chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới của tỉnh Lạng Sơn.

##### **2. Đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động để nâng cao hiệu quả và phương pháp hoạt động khuyến nông**

Bám sát mục tiêu, chương trình hành động của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, của tỉnh, của ngành nông nghiệp hàng năm, để tổ chức triển khai có hiệu quả công tác khuyến nông nhằm phát triển các chương trình, mô hình, dự án có lợi thế, đồng thời nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả và khả năng cạnh tranh các mặt hàng nông, lâm, thủy sản.

Thực hiện rà soát, cập nhật, chọn lọc các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, mô hình sản xuất thiết thực, phù hợp với điều kiện địa phương để triển khai áp dụng trên diện rộng nhằm phát triển ngành nông nghiệp một cách bền vững, có hiệu quả về kinh tế và xã hội, tránh dàn trải, lãng phí.

### **3. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông các cấp**

Tập trung nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến nông các cấp. Trong đó, ưu tiên cho việc đào tạo cán bộ khuyến nông cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng.

Chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, tinh thần, trách nhiệm và thái độ phục vụ, đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp, truyền đạt, tổ chức hội thảo, xây dựng mô hình và đánh giá các hoạt động khuyến nông.

### **4. Huy động tối đa các nguồn lực, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến nông**

Tranh thủ các nguồn lực thực hiện chương trình khuyến nông thông qua liên kết với các Viện, Trường, các Trung tâm nghiên cứu, các đơn vị kỹ thuật trong ngành để tiếp nhận nhanh các tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ sản xuất.

Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các chương trình mục tiêu Quốc gia, nguồn vốn nghiên cứu khoa học và các nguồn vốn liên kết khác từ các dự án, các doanh nghiệp nông nghiệp để tăng cường và đa dạng hóa, xã hội hóa công tác khuyến nông, đưa tiên bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Tích cực triển khai các giải pháp huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác khuyến nông, thông qua việc đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các tổ chức xã hội tham gia... nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và tinh thần, trách nhiệm trong công tác khuyến nông.

### **5. Đẩy mạnh các hình thức liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ sản phẩm**

Đẩy nhanh việc hình thành và đổi mới hình thức hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng theo hình thức dịch vụ trọn gói từ cung ứng các dịch vụ đầu vào đến tìm đầu ra cho sản phẩm xứng đáng là đầu mối đại diện cho nông dân trong mỗi liên kết “bốn nhà” trong sản xuất nông nghiệp.

Khuyến khích các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn... để tạo đầu ra bền vững cho sản phẩm, tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung mang lại thu nhập ổn định cho nông dân.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Trên cơ sở Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026-2030 được phê duyệt, hàng năm chủ trì xây dựng nhiệm vụ kế hoạch và dự toán ngân sách trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

- Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành và điều kiện của tỉnh và các địa phương.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước của ngành về khuyến nông; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật; tiết kiệm, hiệu quả đúng với mục tiêu đề ra.

- Hàng năm tổng hợp tình hình kết quả thực hiện Chương trình, kế hoạch, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

## **2. Các sở, ban, ngành có liên quan**

- Sở Tài chính: căn cứ nguồn lực, chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí từ nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm, nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện Chương trình.

- Sở Khoa học và Công nghệ: ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ Khoa học kỹ thuật để thực hiện Chương trình. Ưu tiên nguồn lực tăng cường chuyển đổi số cho công tác Khuyến nông thực hiện Chương trình.

## **3. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

Căn cứ nội dung Chương trình được phê duyệt và nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn, phối hợp thực hiện các chương trình Khuyến nông, nhân rộng các mô hình thành công vào sản xuất đại trà tại địa phương.



**Phụ lục I:**  
**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH GIAI ĐOẠN 2026-2030**  
*(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày    tháng    năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MỤC TIÊU KHÁI QUÁT	THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ/ ĐỐI TƯỢNG	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT – BẢO VỆ THỰC VẬT</b>					
1	Mô hình sản xuất thâm canh cây trồng nông nghiệp theo chứng nhận VietGAP, hữu cơ,...theo hướng phát triển sản xuất bền vững phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	Xây dựng nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất thâm canh cây trồng nông nghiệp chủ lực theo hướng hàng hóa, tập trung, thực hiện sản xuất theo hướng an toàn (VietGAP, GlobalGAP, Hữu cơ...) áp dụng biện pháp kỹ thuật trong canh tác để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm đáp ứng thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu; bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và môi trường sinh thái.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 05 mô hình (01 mô hình/năm).</li> <li>- Đối tượng: Cây hàng năm (Rau, Lúa đặc sản, Khoai tây, Khoai lang, Thạch đen, Ớt, ...); Cây ăn quả (Na, Quýt, Hồng Vành Khuyên, Hồng Bảo Lâm, Lê, Đào, Táo đại, Chanh leo và cây có múi khác); ...</li> </ul>	Năng suất, sản lượng mô hình tăng từ 10-15% so với sản xuất đại trà; mẫu mã chất lượng quả được cải thiện, đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hóa thị trường trong và ngoài nước, nâng cao giá trị sản phẩm. Chuyển giao quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Hữu cơ...; chuyển giao kỹ thuật thâm canh, tía cành tạo tán, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh hại cho các hộ dân.	
2	Mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây trồng chủ lực	Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) để tăng cường sức khỏe cây trồng, nâng cao khả năng phòng chống sinh vật gây hại và chống chịu tốt với điều kiện bất thuận của thời tiết, nâng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 05 mô hình (01 mô hình/năm).</li> <li>- Đối tượng: Na, Quýt, Hồng, Thạch đen, Lúa, Rau...</li> </ul>	Hỗ trợ, hướng dẫn người dân xây dựng thành công mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM trên cây trồng. Xây dựng đội ngũ nông dân am hiểu về canh tác an toàn và bền	

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MỤC TIÊU KHÁI QUÁT	THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ/ ĐỐI TƯỢNG	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
		cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học. IPHM hướng tới một nền nông nghiệp bền vững, kết hợp hài hòa các biện pháp quản lý dinh dưỡng, dịch hại và kinh tế, đồng thời phát huy các yếu tố nội tại của cây trồng.			vững, quản lý sức khỏe cây trồng hợp lý, tiết kiệm chi phí sản xuất, thu được hiệu quả kinh tế cao.	
<b>II</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI – THÚ Y</b>					
1	Mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm thương phẩm an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm sử dụng thảo dược hạn chế sử dụng kháng sinh tạo ra sản phẩm an toàn thực phẩm, giảm thiểu tình trạng sử dụng kháng kháng sinh nguy hiểm, nâng cao sức khỏe và sức đề kháng cho vật nuôi, đồng thời mang lại lợi ích kinh tế cho người chăn nuôi thông qua việc giảm chi phí và tăng giá trị sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 05 mô hình (01 mô hình/năm).</li> <li>- Đối tượng: Gia cầm, thủy cầm và một số giống bản địa lợi thế địa phương.</li> </ul>	Vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, khỏe mạnh, sản lượng tăng, chất lượng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Sử dụng thảo dược thay thế kháng sinh nâng cao sức khỏe và sức đề kháng cho vật nuôi, đồng thời mang lại lợi ích kinh tế cho người chăn nuôi. Mô hình là nơi các hộ chăn nuôi trong tỉnh đến thăm quan, học tập kinh nghiệm, từng bước áp dụng sử dụng thảo dược thay thế kháng sinh, tiến tới chăn nuôi hữu cơ, tăng năng suất, chất	

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MỤC TIÊU KHÁI QUÁT	THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ/ ĐỐI TƯỢNG	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
					lượng sản phẩm trong chăn nuôi.	
2	Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xây dựng, nhân rộng các mô hình chăn nuôi lợn tái đàn theo hướng an toàn sinh học, kiểm soát tốt dịch bệnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2029 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 02 mô hình (01 mô hình/năm).</li> <li>- Đối tượng: Lợn thương phẩm.</li> </ul>	Vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, khỏe mạnh, sản lượng tăng, chất lượng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Mô hình là nơi các hộ chăn nuôi trong tỉnh đến thăm quan, học tập kinh nghiệm, từng bước áp dụng cơ giới hóa, tiến tới chăn nuôi hữu cơ, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm trong chăn nuôi.	
3	Mô hình phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng	Chuyển giao các quy trình kỹ thuật chăn nuôi đại gia súc, phát triển đàn gia súc theo hướng năng suất chất lượng cao, quy trình nuôi kết hợp trồng cỏ, sử dụng thức ăn hỗn hợp, phụ phẩm nông nghiệp sẵn có, hình thức chăn nuôi bán chăn thả và thâm canh theo hướng công nghiệp nhằm khắc phục hiện tượng thiếu diện tích chăn thả, nâng cao tầm vóc thể trạng đàn gia súc đảm bảo an toàn dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2027 đến năm 2028.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 02 mô hình (01 mô hình/năm).</li> <li>- Đối tượng: Trâu, Bò, Ngựa, Dê...</li> </ul>	Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất đối với chăn nuôi nông hộ.	

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MỤC TIÊU KHÁI QUÁT	THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ/ ĐỐI TƯỢNG	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
		lượng sản phẩm.				
<b>III</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>					
	Mô hình phát triển nuôi cá lồng an toàn sinh học	<p>Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng, khai thác nhằm tăng năng suất, sản lượng, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh về diện tích mặt nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân, giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi lồng, nuôi ao thâm canh một số đối tượng thủy sản truyền thống, đặc sản theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm, VietGAP, liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu bảo vệ môi trường sinh thái.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 05 mô hình (01 mô hình/năm)</li> <li>- Đối tượng nuôi: cá trắm, chép, lăng, nheo, cá rô phi, tầm, bông...</li> </ul>	<p>Năng suất cá đạt 10-12kg/m<sup>3</sup>, tỷ lệ nuôi sống đạt <math>\geq 80\%</math>, chủ động trong công tác quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng, kết nối tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>Mô hình là nơi các hộ chăn nuôi thủy sản trong tỉnh đến thăm quan, học tập kinh nghiệm, từng bước áp dụng cơ giới hóa, tiến tới chăn nuôi hữu cơ, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm trong chăn nuôi.</p>	
<b>IV</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>					

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MỤC TIÊU KHÁI QUÁT	THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ/ ĐỐI TƯỢNG	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1	Mô hình phát triển cây lâm nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu	Xây dựng mô hình phát triển cây lâm nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu, áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong canh tác để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm. Ứng dụng kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý rừng cây lâm nghiệp theo hướng hữu cơ bền vững, tạo ra sản phẩm sạch, an toàn và có giá trị kinh tế cao, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao đời sống cho người dân trồng rừng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 5 mô hình (01 mô hình/năm)</li> <li>- Đối tượng là: Cây Hồi, Thông, Keo, Bạch đàn, Quế, Sờ, Trám....</li> </ul>	Tỷ lệ sống đạt 90%; Trên 30% số cây cho sản phẩm sau 5-7 năm. Góp phần phát triển kinh tế rừng, bảo đảm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng trồng, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm hướng tới chế biến và xuất khẩu.	
2	Mô hình phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tạo vùng nguyên liệu sản xuất	Xây dựng mô hình phát triển cây dược liệu dưới tán rừng sẽ tận dụng được không gian dưới tán rừng để phát triển cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, góp phần hình thành vùng nguyên liệu tập trung ổn định phục vụ chế biến và sản xuất dược phẩm; tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích đất rừng, nâng cao hiệu quả kinh tế lâm nghiệp, tạo sinh kế ổn định cho người dân và bảo vệ môi trường sinh thái.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 05 mô hình (01 mô hình/năm).</li> <li>- Đối tượng là: Cây Ba kích, Chè hoa vàng, Lan Kim tuyến, Đinh Lăng, Hà thủ ô, Cà gai leo, Nghệ, Gừng, Sa nhân, Khôi nhung...</li> </ul>	Tỷ lệ sống đạt 90%; Trên 70% số cây cho sản phẩm. Nâng cao chất lượng, giá trị của cây dược liệu góp phần tăng thu nhập cho người dân.	

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MỤC TIÊU KHÁI QUÁT	THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ/ ĐỐI TƯỢNG	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
<b>V</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN, ĐÀO TẠO HUẤN LUYỆN, THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN</b>					
1	Tập huấn, đào tạo, huấn luyện	Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong hệ thống khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị; Nâng cao nhận thức, nắm vững kỹ thuật phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu, thực hiện có hiệu quả chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: Trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 30 lớp (06 lớp/năm)</li> <li>- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, thành viên Tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã nông lâm ngư nghiệp,...</li> </ul>	Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong hệ thống khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cho cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, thành viên Tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã nông lâm ngư nghiệp,...	
2	Diễn đàn, tọa đàm, hội thảo	Giúp cho nông dân tổ chức sản xuất hàng hoá theo đúng định hướng của địa phương; đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm theo hướng nông nghiệp xanh, phát triển bền vững, phục vụ nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 05 cuộc (01 cuộc/năm) .</li> <li>- Đối tượng: Các cơ quan quản lý; các đơn vị nghiên cứu, hoạt động khoa học, các đơn vị hoạt động khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, doanh</li> </ul>	Đề trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất. Đưa ra được những giải pháp hữu ích, khắc phục tình trạng khó khăn vướng mắc giữa các nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và người dân	

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MỤC TIÊU KHÁI QUÁT	THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ/ ĐỐI TƯỢNG	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				ng nghiệp, hợp tác xã, Tổ hợp tác; nông dân.		
3	Khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước	Cán bộ khuyến nông và nông dân sản xuất hàng hoá học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất hiệu quả, tiên tiến, mô hình nông nghiệp gắn với chuyển đổi số, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình sinh thái, tuần hoàn phù hợp với địa phương; nắm bắt được thông tin khoa học công nghệ, các giải pháp phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị; nắm vững kỹ năng quản lý, điều hành hoạt động theo mô hình hợp tác trong cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.</li> <li>- Địa điểm: Các tỉnh, thành phố trong nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 05 cuộc (01 cuộc/năm).</li> <li>- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông và nông dân sản xuất hàng hoá.</li> </ul>	Cán bộ khuyến nông và nông dân sản xuất hàng hoá tham gia học tập kinh nghiệm đạt kết quả cao, áp dụng những mô hình đi thăm quan học tập vào thực tế tại địa phương.	
4	Sản xuất ấn phẩm khuyến nông	Nâng cao nhận thức, kiến thức khoa học kỹ thuật để nông dân áp dụng hiệu quả trong hoạt động sản xuất.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 05 đợt (01 đợt/năm).</li> <li>- Đối tượng: Nông dân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác nông lâm ngư nghiệp.</li> </ul>	Ấn phẩm khuyến nông đến tay người nông dân nâng cao nhận thức, kiến thức khoa học kỹ thuật cho người nông dân.	
5	Chuyên mục Khuyến nông trên sóng truyền	Nông dân và người sản xuất nắm bắt quan điểm, các chủ trương của Đảng, Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: 60 Chuyên mục (12 Chuyên mục/năm).</li> </ul>	Truyền tải, thông tin kịp thời các chủ trương chính sách về lĩnh vực nông	

<b>TT</b>	<b>TÊN CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>MỤC TIÊU KHÁI QUÁT</b>	<b>THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM</b>	<b>QUY MÔ/ ĐỐI TƯỢNG</b>	<b>DỰ KIẾN KẾT QUẢ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
	hình Lạng Sơn (LSTV)	trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; sản xuất gắn với bảo vệ môi trường bền vững; tiếp nhận thông tin khoa học công nghệ mới để áp dụng hiệu quả trong sản xuất.	- Địa điểm: Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	- Đối tượng: Nông dân và người sản xuất nông nghiệp trong tỉnh.	ng nghiệp, cách làm mới, các mô hình sản xuất hiệu quả điển hình đến với người sản xuất tiếp cận, học tập và làm theo	



**Phụ lục II:****DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH  
GIAI ĐOẠN 2026-2030***(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung chi	ĐVT	Tổng giai đoạn 2026-2030		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
			Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>139</b>	<b>17.297,76</b>	<b>27</b>	<b>2.920,17</b>	<b>28</b>	<b>3.488,96</b>	<b>28</b>	<b>3.488,96</b>	<b>28</b>	<b>3.699,83</b>	<b>28</b>	<b>3.699,83</b>
<b>I</b>	<b>Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất</b>	<b>Mô hình</b>	<b>34</b>	<b>15.037,96</b>	<b>6</b>	<b>2.468,21</b>	<b>7</b>	<b>3.037,00</b>	<b>7</b>	<b>3.037,00</b>	<b>7</b>	<b>3.247,87</b>	<b>7</b>	<b>3.247,87</b>
1	<b>Lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật</b>	<b>Mô hình</b>	<b>10</b>	<b>4.015,02</b>	<b>2</b>	<b>803,00</b>	<b>2</b>	<b>803,00</b>	<b>2</b>	<b>803,00</b>	<b>2</b>	<b>803,00</b>	<b>2</b>	<b>803,00</b>
-	Mô hình sản xuất thâm canh cây trồng nông nghiệp theo chứng nhận VietGAP, hữu cơ, theo hướng phát triển sản xuất bền vững phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	Mô hình	5	2.328,84	1	465,77	1	465,77	1	465,77	1	465,77	1	465,77
-	Mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây trồng chủ lực	Mô hình	5	1.686,19	1	337,24	1	337,24	1	337,24	1	337,24	1	337,24
2	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y</b>	<b>Mô hình</b>	<b>9</b>	<b>5.026,02</b>	<b>1</b>	<b>465,82</b>	<b>2</b>	<b>1.034,61</b>	<b>2</b>	<b>1.034,61</b>	<b>2</b>	<b>1.245,49</b>	<b>2</b>	<b>1.245,49</b>

TT	Nội dung chi	ĐVT	Tổng giai đoạn 2026-2030		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
			Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
-	Mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm thương phẩm an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Mô hình	5	2.329,12	1	465,82	1	465,82	1	465,82	1	465,82	1	465,82
-	Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm an toàn sinh học, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Mô hình	2	1.559,32							1	779,66	1	779,66
-	Mô hình phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng	Mô hình	2	1.137,58			1	568,79	1	568,79				
3	<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>	<b>Mô hình</b>	<b>5</b>	<b>2.827,28</b>	<b>1</b>	<b>565,46</b>	<b>1</b>	<b>565,46</b>	<b>1</b>	<b>565,46</b>	<b>1</b>	<b>565,46</b>	<b>1</b>	<b>565,46</b>
-	Mô hình phát triển nuôi cá lồng an toàn sinh học	Mô hình	5	2.827,28	1	565,46	1	565,46	1	565,46	1	565,46	1	565,46
4	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>	<b>Mô hình</b>	<b>10</b>	<b>3.169,65</b>	<b>2</b>	<b>633,93</b>	<b>2</b>	<b>633,93</b>	<b>2</b>	<b>633,93</b>	<b>2</b>	<b>633,93</b>	<b>2</b>	<b>633,93</b>
-	Mô hình phát triển cây lâm nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu	Mô hình	5	1.159,28	1	231,86	1	231,86	1	231,86	1	231,86	1	231,86
-	Mô hình phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tạo vùng nguyên liệu sản xuất	Mô hình	5	2.010,38	1	402,08	1	402,08	1	402,08	1	402,08	1	402,08

TT	Nội dung chi	ĐVT	Tổng giai đoạn 2026-2030		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
			Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
II	Công tác đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền		105	2.259,80	21	451,96	21	451,96	21	451,96	21	451,96	21	451,96
1	Tập huấn, đào tạo, huấn luyện	Lớp	30	960,00	6	192,00	6	192,00	6	192,00	6	192,00	6	192,00
-	Tập huấn (đối tượng hưởng lương ngân sách Nhà nước)	Lớp	10	260,00	2	52,00	2	52,00	2	52,00	2	52,00	2	52,00
-	Tập huấn (đối tượng không hưởng lương ngân sách Nhà nước)	Lớp	20	700,00	4	140,00	4	140,00	4	140,00	4	140,00	4	140,00
2	Tọa đàm, hội thảo, diễn đàn Khuyến nông	Cuộc	5	340,00	1	68,00	1	68,00	1	68,00	1	68,00	1	68,00
3	Khảo sát học tập kinh nghiệm	Cuộc	5	592,50	1	118,50	1	118,50	1	118,50	1	118,50	1	118,50
4	Sản xuất ấn phẩm khuyến nông	Đợt	5	100,00	1	20,00	1	20,00	1	20,00	1	20,00	1	20,00
5	Chuyên mục Khuyến nông trên sóng truyền hình Lạng Sơn (LSTV)	Chuyên mục	60	267,30	12	53,46	12	53,46	12	53,46	12	53,46	12	53,46